

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C5 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 123T0142013-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010657	35C5	Tr n Thi ² n D	21/09/1993	7.0	6.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
2	3541010039	35RC1	L ² V ã ã D ã g	04/04/1989	6.0	5.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
3	3541010028	35C1	Nguy n D ã g	20/08/1993	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
4	3541010401	35C1	Lê Anh ã c	05/07/1991	4.0	6.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
5	3541010125	35C1	G ã Ng c Hoàng	16/08/1992	8.0	8.0									8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
6	3440000027	35C3	Tr n Quang Hoàng	16/08/1990	4.0	7.0									5.5	2.8	1.0	0.5	3.3	
7	3541010306	35C3	Nguy n Nam H ng	15/07/1992	5.0	5.0									5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
8	3541010044	35RC1	Nguy n Th ã nh H ng	02/01/1992	5.0	4.0									4.5	2.3	4.0	2.0	4.3	
9	3541010164	35C2	Nguy n Ho ã ng Kiên	01/06/1993	6.0	4.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
10	3545030185	35C4	Nguy n Quang L nh	28/07/1992	6.0	4.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
11	3541010027	35RC1	Nguy n H u Lý	06/10/1990	5.0	6.0									5.5	2.8	3.0	1.5	4.3	
12	3541010200	35C2	L u Trung Ngh ã	19/10/1992	7.0	8.0									7.5	3.8	3.0	1.5	5.3	
13	3541010165	35C2	Nguy n C nh Ng c	03/12/1990	6.0	6.0									6.0	3.0	0.0	0.0	3.0	
14	3541010052	35C1	Hu ã nh C ã ng Nguyên	14/07/1993	4.0	4.0									4.0	2.0	0.0	0.0	2.0	
15	3541010113	35C1	Tr nh Xu ^a n Nguyên	12/08/1990	7.0	5.0									6.0	3.0	1.0	0.5	3.5	
16	3541010070	35C1	Lý Thành Nhi u	02/06/1987	3.0	5.0									4.0	2.0	0.0	0.0	2.0	
17	3541010445	35C4	Ph m V ã ã Duy Ph ng	00/00/1992	8.0	9.0									8.5	4.3	4.0	2.0	6.3	
18	3541010013	35C1	Nguy n Minh Quang	13/02/1993	9.0	8.0									8.5	4.3	5.0	2.5	6.8	
19	3541010326	35C3	Nguy n Vi t Sang	01/11/1993	5.0	5.0									5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
20	3541010099	35C1	Nguy n Th ã nh Ti n	10/03/1993	7.0	5.0									6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C5 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 123T0142013-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THĩ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3541010024	35C1	Thành Công	Ti n	14/07/1990	9.0	9.0								9.0	4.5	10.0	5.0	9.5	
22	3541010105	35C1	Tr n Vñ	Tính	10/03/1992	8.0	8.0								8.0	4.0	3.0	1.5	5.5	
23	3541010149	35C2	Bĩ Ng c	Tu n	17/09/1993	9.0	7.0								8.0	4.0	2.0	1.0	5.0	
24	3541010383	35C4	H Thanh	Tu n	06/11/1992	5.0	5.0								5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
25	3541010218	35C2	ñ @n Vñ	Tr ng	20/10/1989	7.0	7.0								7.0	3.5	3.0	1.5	5.0	
26	3541010257	35C2	Ph m Vñ	VIO	08/05/1992	9.0	5.0								7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	

T ng s : 26 h c sinh sinh vĩ n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ² n B M»n Gi" o V Khoa